NGHIÊN CỨU CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN HÀNH VI QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CÁ NHÂN CỦA GEN Z TẠI THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Nguyễn Thị Diễm My[a], Lương Thái Long[b], Nguyễn Thị Thanh Vân[c], Nguyễn Hữu Gia Khánh[d]

Tóm tắt:

Nghiên cứu này thực hiện để giải thích hành vi quản lý tài chính cá nhân của thế hệ Gen Z tại thành phố Đà Nẵng thông qua các yếu tố nhận thức nội tại và tác động từ môi trường xã hội. Dựa trên khung Lý thuyết Hành vi có kế hoạch (TPB), nghiên cứu đề xuất mô hình phân tích vai trò của Thái độ tài chính, Kiến thức tài chính, Đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong và Xã hội hóa tài chính trong việc định hình các quyết định tài chính thực tế. Kết quả nghiên cứu cho thấy cả bốn nhân tố đều có tác động tích cực và ý nghĩa đến hành vi quản lý tài chính, trong đó Thái độ tài chính đóng vai trò then chốt nhất, khẳng định rằng tư duy và quan điểm cá nhân là động lực chính thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu tài chính. Nghiên cứu cũng làm rõ sự tồn tại của một "khoảng cách" đáng kể khi nhận thức tài chính của giới trẻ ở mức khá nhưng hành vi thực tế vẫn dễ bị chi phối bởi cảm xúc và xu hướng tiêu dùng ngắn hạn. Dữ liệu được thu thập từ 308 mẫu khảo sát tại Đà Nẵng và được xử lý bằng mô hình hồi quy tuyến tính bội nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu. Kết quả nghiên cứu góp phần bổ sung những bằng chứng thực nghiệm về cơ chế chuyển hóa từ kiến thức sang hành động thực tế, đồng thời cung cấp các hàm ý quản trị quan trọng cho các nhà giáo dục, gia đình và tổ chức tài chính trong việc xây dựng hệ sinh thái giáo dục tài chính toàn diện nhằm phát triển thói quen quản lý tiền bạc bền vững cho thế hệ trẻ.

Từ khóa: *Hành vi quản lý tài chính; Gen Z; Kiến thức tài chính; Thái độ tài chính; Đặc điểm kiểm soát tâm lý, Xã hội hóa tài chính.*

A STUDY ON FACTORS AFFECTING PERSONAL FINANCIAL MANAGEMENT BEHAVIOR OF GENERATION Z IN DA NANG CITY

Abstract:

This study seeks to elucidate the personal financial management behavior of Generation Z in Da Nang city by examining both internal cognitive factors and social environmental influences. Drawing upon the Theory of Planned Behavior (TPB) framework, the research proposes a model to analyze the roles of Financial Attitude, Financial Literacy, Internal Locus of Control, and Financial Socialization in shaping

[a] Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đông Á. e-mail: myntd@donga.edu.vn
[b] Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đông Á
[c] Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đông Á
[d] Khoa Quản trị kinh doanh, Trường Đại học Đông Á

actual financial decisions. The findings reveal that all four factors exert a positive and statistically significant impact on financial behavior, with Financial Attitude identified as the most pivotal determinant, confirming that individual mindsets and perspectives serve as the primary drivers for achieving financial objectives. Furthermore, the study highlights a substantial "gap" between awareness and action: while the financial awareness of young adults is rated as fair, their actual behavior remains highly susceptible to emotional triggers and short-term consumption trends. Data was gathered from 308 survey respondents in Da Nang and analyzed via a multiple linear regression model to test the research hypotheses. The results contribute empirical evidence regarding the mechanism of translating knowledge into practice, while offering significant managerial implications for educators, families, and financial institutions to establish a comprehensive financial education ecosystem aimed at cultivating sustainable money management habits for the younger generation

Keywords: *Financial management behavior; Generation Z; Financial knowledge; Financial attitude; Locus of control, Financial socialization.*

Giới thiệu

Trong bối cảnh công nghệ tài chính thời kinh tế hội nhập, hành vi quản lý tài chính cá nhân trở thành kỹ năng thiết yếu đối với thế hệ Gen Z. Tuy nhiên, báo cáo hiện nay chỉ ra Gen Z là nhóm có mức độ chuẩn bị tài chính thấp nhất, thường ưu tiên trải nghiệm ngắn hạn thay vì hoạch định dài hạn. Theo S&P Global Finlit 2026, cho thấy chỉ khoảng 24% người Việt Nam trưởng thành sở hữu nền tảng hiểu biết tài chính cơ bản, xếp hạng thấp trong khu vực Đông Nam Á. Tại các trung tâm kinh tế như Đà Nẵng, áp lực từ xu hướng tiêu dùng trực tuyến dễ khiến giới trẻ rơi vào bẫy nợ tiêu dùng và thiếu kiến thức quản lý rủi ro tài chính. Hệ lụy của việc thiếu kỹ năng này không chỉ ảnh hưởng đến sự ổn định cá nhân mà còn tác động tiêu cực đến sức khỏe tinh thần và chất lượng cuộc sống. Do đó, việc nghiên cứu các yếu tố chi phối hành vi quản lý tài chính cá nhân của Gen Z tại Đà Nẵng là một nhu cầu cấp thiết nhằm cung cấp cơ sở khoa học cho các nhà giáo dục và hoạch định chính sách.

Nghiên cứu được xây dựng trên nền tảng kế thừa nghiên cứu và vận dụng Lý thuyết Hành vi có kế hoạch (TPB) của Ajzen (1991) để giải thích cơ chế hình thành hành vi thông qua các thành phần: thái độ, chuẩn mực chủ quan và nhận thức kiểm soát. Đề tài kế thừa các nhân tố Thái độ tài chính (FA), Kiến thức tài chính (FL) và Đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong (LC) từ mô hình nghiên cứu của Mudrikah Zaen và cộng sự (2024) tại Indonesia và Mien và Thao (2015) tại Việt Nam. Đồng thời, biến Xã hội hóa tài chính (FS) được kế thừa từ Sabri và cộng sự (2023) để đại diện cho yếu tố tác động từ môi trường xã hội.

Nghiên cứu tập trung vào hành vi quản lý tài chính của Gen Z tại thành phố Đà Nẵng - nơi có sự chuyển mình mạnh mẽ về kinh tế số nhưng chưa được phân tích

thực chứng một cách cụ thể về hành vi quản lý tài chính. Điểm mới nổi bật của đề tài là việc tích hợp biến Xã hội hóa tài chính (FS) vào khung lý thuyết TPB để đại diện cho thành phần "Tiêu chuẩn chủ quan". Việc này giúp phản ánh chính xác sức ảnh hưởng của giáo dục gia đình và cha mẹ - một yếu tố văn hóa đặc thù của Việt Nam - trong việc định hình thói quen tài chính của giới trẻ. Đồng thời nghiên cứu làm rõ sự tồn tại của một "khoảng cách" (gap) đáng kể giữa nhận thức và hành vi quản lý tài chính thực tế. Mặc dù nhận thức tài chính của giới trẻ ở mức khá, hành vi thực tế vẫn dễ bị chi phối bởi cảm xúc và xu hướng tiêu dùng ngắn hạn. Đây là phát hiện quan trọng chỉ ra rằng kiến thức thuần túy chưa đủ để chuyển hóa thành hành động nếu thiếu sự điều chỉnh về thái độ và khả năng tự kiểm soát cá nhân.

Cơ sở lý thuyết

Vào năm 1991, Icek Ajzen đã phát triển Lý thuyết hành vi có kế hoạch (Theory of Planned Behavior - TPB), đây là mô hình phổ biến dùng để dự báo cách thức cá nhân thực hiện hành vi trong các tình huống cụ thể. Về bản chất, TPB là sự hoàn thiện Lý thuyết hành động hợp lý (TRA) thông qua việc tích hợp thêm nhân tố nhận thức kiểm soát hành vi, từ đó giải quyết khiếm khuyết của TRA khi đối diện với các hành vi không chịu sự chi phối hoàn toàn của ý chí cá nhân. Mô hình này xác định ý định hành vi - sự phản ánh mức độ sẵn sàng thực hiện - là tiền đề trực tiếp quyết định hành động thực tế. Ý định này là kết quả của sự tác động cộng hưởng từ ba thành phần chính: thái độ đối với hành vi, tiêu chuẩn chủ quan và nhận thức kiểm soát hành vi.

Hành vi quản lý tài chính cá nhân là toàn bộ các quyết định và hoạt động của một cá nhân trong việc điều phối nguồn lực tài chính, từ lập kế hoạch, điều tiết chi tiêu, tích lũy đến đầu tư, nhằm hiện thực hóa các mục tiêu tài chính ngắn hạn và dài hạn.

Gen Z là nhóm cá nhân sinh ra trong giai đoạn từ năm 1997 đến 2012, là thế hệ đóng vai trò chủ chốt trong lực lượng lao động hiện nay. Họ có khả năng tiếp cận công nghệ nhanh chóng, điều này tác động mạnh mẽ đến cách thức thực hiện các giao dịch và quản lý tiền bạc trong giai đoạn hiện tại.

Dưới đây là các yếu tố chính có tác động đến hành vi quản lý tài chính cá nhân của Gen Z được đề xuất trong nghiên cứu:

Thái độ tài chính (FA): Thái độ tài chính phản ánh quan điểm, nhận thức và sự đánh giá của cá nhân đối với các vấn đề tài chính, định hướng cách họ hành xử trong các quyết định hàng ngày. Những cá nhân có thái độ tích cực thường chủ động theo dõi, lập kế hoạch chi tiết và có trách nhiệm hơn đối với phúc lợi tài chính của bản thân.

Giả thuyết 1 (H1): *Thái độ tài chính (FA) có tác động tích cực đến hành vi quản lý tài chính cá nhân (FB).*

Xã hội hóa tài chính (FS): Đây là quá trình cá nhân tiếp thu kiến thức và hình thành các giá trị liên quan đến tiền bạc thông qua tương tác với các tác nhân xã hội, đặc biệt là gia đình và cha mẹ. Việc cha mẹ thường xuyên trao đổi về vấn đề tài chính

hoặc hướng dẫn cách quản lý chi tiêu giúp con cái hình thành thói quen tài chính lành mạnh khi trưởng thành.

Giả thuyết 2 (H2): *Xã hội hóa tài chính (FS) có tác động tích cực đến hành vi quản lý tài chính cá nhân (FB).*

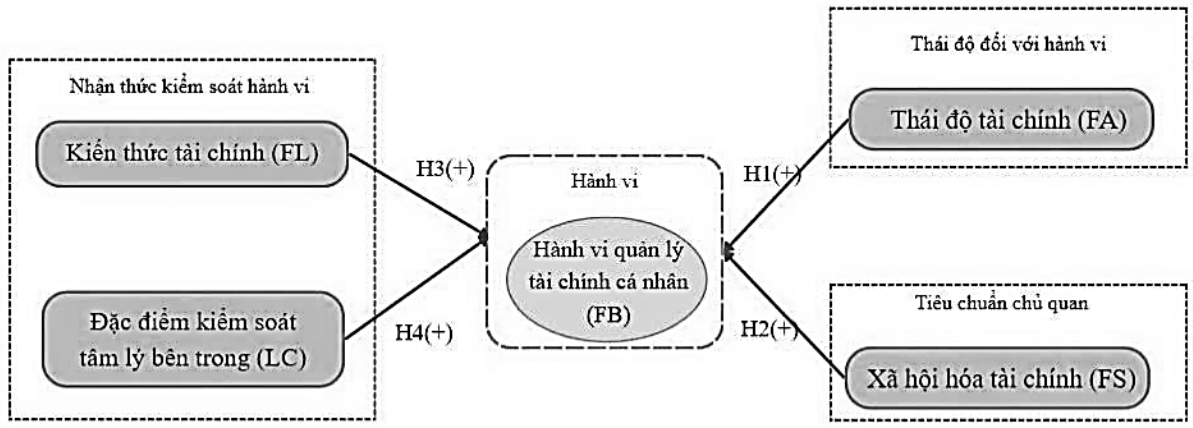
Kiến thức tài chính (FL): Kiến thức tài chính là mức độ hiểu biết về các khái niệm, nguyên tắc (như lãi suất, lạm phát) và các công cụ tài chính cơ bản. Người có kiến thức tài chính tốt thường có khả năng đánh giá rủi ro, lập ngân quỹ hiệu quả và đưa ra các quyết định đầu tư hoặc tiết kiệm sáng suốt hơn.

Giả thuyết 3 (H3): *Kiến thức tài chính (FL) có tác động tích cực đến hành vi quản lý tài chính cá nhân (FB).*

Đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong (LC): Đặc điểm này phản ánh niềm tin của cá nhân rằng kết quả cuộc sống và tình hình tài chính phụ thuộc vào nỗ lực và quyết định của chính họ thay vì may rủi hay ngoại cảnh. Những người có khuynh hướng kiểm soát nội tại thường kiên trì hơn trong việc thực hiện các mục tiêu tài chính và làm chủ được hành vi chi tiêu của mình.

Giả thuyết 4 (H4): *Đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong (LC) có tác động tích cực đến hành vi quản lý tài chính cá nhân (FB).*

Mô hình nghiên cứu đề xuất: Dựa trên các giả thuyết trên, mô hình nghiên cứu tập trung vào việc đo lường mức độ tác động của 4 nhân tố độc lập (FA, FS, FL, LC) lên biến phụ thuộc là Hành vi quản lý tài chính cá nhân (FB) của Gen Z tại Đà Nẵng,



Hình 1. Mô hình nghiên cứu đề xuất

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu của đề tài là các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi quản lý tài chính cá nhân của thế hệ Gen Z. Đối tượng khảo sát cụ thể là các cá nhân thuộc thế hệ Gen Z có độ tuổi từ 18 đến 29, hiện đang sinh sống, học tập hoặc làm việc tại thành

phố Đà Nẵng. Đây là nhóm đang trong giai đoạn chuyển tiếp sang tự chủ tài chính và có mức độ tiếp cận cao với các dịch vụ tài chính hiện đại.

Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu được thực hiện kết hợp giữa phương pháp định tính và định lượng:

- Nghiên cứu định tính: Tổng hợp và phân tích dữ liệu thứ cấp từ các công trình nghiên cứu đi trước để xây dựng cơ sở lý thuyết, xác định các biến và hiệu chỉnh thang đo cho phù hợp với bối cảnh Việt Nam.

- Nghiên cứu định lượng: Sử dụng kỹ thuật chọn mẫu thuận tiện thông qua bảng câu hỏi khảo sát (trực tuyến qua Google Form và trực tiếp bằng phiếu giấy). Kích thước mẫu khảo sát chính thức đạt 308 mẫu hợp lệ và sử dụng phần mềm SPSS 27.0 để thực hiện các kiểm định.

Kết quả

Thống kê mô tả

Bảng 1. Thông tin mẫu nghiên cứu

Biến	Thuộc tính	Số lượng	Tỷ lệ %
Giới tính	Nam	129	41,9
	Nữ	166	53,9
	Khác	13	4,2
Độ tuổi	18-22	170	55,2
	23-30	138	44,8
Trình độ học vấn	THPT	44	14,3
	Cao đẳng	43	14,0
	Đại học	212	68,8
	Sau đại học	9	2,9
Thu nhập hàng tháng	Dưới 5 triệu	178	57,8
	5-10 triệu	80	26,0
	10-15 triệu	29	9,4
	15-30 triệu	12	3,9
	Trên 30 triệu	9	2,9
Tình trạng làm việc	Đang làm toàn thời gian	120	39
	Đang làm bán thời gian	53	17,2
	Chưa đi làm	135	43,8

(Nguồn: Tác giả thống kê từ kết quả khảo sát)

Bảng thống kê cho thấy cơ cấu giới tính trong mẫu nghiên cứu có nữ cao hơn nam. Về độ tuổi, nhóm từ 18-22 tuổi chiếm tỷ lệ cao hơn (55,2%), phản ánh đặc điểm chủ yếu của đối tượng nghiên cứu. Về trình độ học vấn, phần lớn người tham gia đang

ở bậc đại học, chiếm 68,8%. Bên cạnh đó, đa số đối tượng khảo sát có thu nhập dưới 5 triệu đồng/tháng là 57,8%, tỷ lệ chưa đi làm chiếm 43,8%, còn lại là làm bán thời gian và toàn thời gian. Có thể thấy qua số liệu trên thì không có sự chênh lệch số lượng quá lớn giữa các nhóm đối tượng khảo sát phân theo đặc điểm nhân khẩu học.

Thống kê mô tả các khía cạnh đo lường

Kết quả thống kê cho thấy các biến thuộc nhóm Thái độ tài chính (FA), Xã hội hóa tài chính (FS), Kiến thức tài chính (FL) và Đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong (LC) nhìn chung đạt mức ''Khá đồng ý", phản ánh xu hướng tích cực của đáp viên. Trong đó, nhóm LC thể hiện mức độ đồng thuận cao và ổn định nhất khi toàn bộ các biến đều đạt "Khá đồng ý", với giá trị trung bình dao động từ 3.65 đến 3.81. Ngược lại, nhóm FL và FS có mức đồng thuận thấp hơn khi xuất hiện nhiều biến ở mức "Ý kiến trung lập" như FL2, FL4, FS4 và FS5, cho thấy kiến thức tài chính và sự định hướng từ gia đình chưa thực sự đồng đều. Tương tự, trong nhóm FA, một số biến như FA2 và FA3 cũng chỉ đạt mức trung lập, phản ánh sự chưa rõ ràng trong việc lập kế hoạch và mục tiêu tài chính của một bộ phận đáp viên.

Đối với nhóm Hành vi quản lý tài chính cá nhân (FB), mức độ tích cực được thể hiện khá rõ rệt khi phần lớn các biến đạt mức "Khá đồng ý". Đặc biệt, biến FB1 đạt mức "Hoàn toàn đồng ý" (Mean = 4.21), cho thấy thói quen so sánh giá cả trước khi mua sắm là phổ biến trong nhóm khảo sát. Bên cạnh đó, các hành vi như thanh toán đúng hạn, tiết kiệm định kỳ và lập kế hoạch chi tiêu cũng được đánh giá tương đối cao. Tuy nhiên, biến FB8 chỉ đạt mức "Ý kiến trung lập'' (Mean = 2.87), phản ánh rằng hoạt động đầu tư tài chính vẫn chưa phổ biến trong nhóm đáp viên. Nhìn chung, mặc dù các hành vi quản lý tài chính cơ bản đã được hình thành khá rõ, các hoạt động mang tính dài hạn và rủi ro cao vẫn chưa được quan tâm tương xứng. Điều này cho thấy sự khác biệt giữa các nhóm hành vi quản lý tài chính trong thực tế và cần được xem xét trong các phân tích tiếp theo.

Phân tích độ tin cậy của các thang đo thông qua hệ số Cronbach's Alpha.

Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha cho thấy các thang đo trong nghiên cứu đều đạt yêu cầu với hệ số Alpha > 0.6. Ba biến quan sát FA5, LC4 và FB8 bị loại do có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0.3, không đảm bảo mức độ đóng góp vào thang đo.

Sau khi loại bỏ các biến không phù hợp, hệ số Cronbach's Alpha của các thang đo đều được cải thiện và dao động từ 0.818 đến 0.880, thể hiện độ tin cậy tốt và tính nhất quán nội bộ cao. Các biến quan sát còn lại đều có tương quan chặt chẽ với tổng thể thang đo.

Do đó, 30 biến quan sát còn lại được chấp nhận và đủ điều kiện để tiếp tục thực hiện phân tích nhân tố khám phá (EFA) và các bước phân tích tiếp theo

Phân tích nhân tố khám phá (EFA)

Kết quả kiểm định độ tin cậy cho thấy các biến quan sát đạt yêu cầu và được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá (EFA) với phương pháp Principal Components và phép quay Varimax nhằm đánh giá giá trị hội tụ và phân biệt của thang đo.

Đối với các biến độc lập, sau lần phân tích đầu tiên với 23 biến, kết quả cho thấy KMO = 0,818; Sig. = 0,000 và tổng phương sai trích đạt 61,99%, đảm bảo điều kiện thực hiện EFA. Tuy nhiên, các biến FA7, LC5, FA4 và FL3 bị loại do tải chéo. Sau nhiều lần loại biến, mô hình cuối cùng đạt KMO = 0,884 và tổng phương sai trích 58,47%, với 4 nhân tố được giữ lại và tất cả các biến đều có hệ số tải > 0,3, không còn hiện tượng tải chéo.

Đối với biến phụ thuộc, kết quả EFA cho thấy KMO = 0,896; Sig. = 0,000, chứng tỏ dữ liệu phù hợp để phân tích. Chỉ một nhân tố được trích với Eigenvalue = 3,678 và tổng phương sai trích đạt 52,539%, đảm bảo yêu cầu nghiên cứu.

Kết quả cuối cùng xác định 5 nhân tố gồm: Thái độ tài chính (5 biến), Xã hội hóa tài chính (5 biến), Kiến thức tài chính (4 biến), Đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong (5 biến) và Hành vi quản lý tài chính cá nhân (7 biến). Mô hình nghiên cứu được giữ nguyên, chỉ điều chỉnh các biến quan sát.

Phân tích tương quan pearson

Kết quả kiểm định tương quan Pearson cho thấy tất cả các biến độc lập đều có mối quan hệ chặt chẽ với biến phụ thuộc FB, thể hiện qua hệ số Pearson dương và giá trị sig (2-tailed) nhỏ hơn 0,05. Điều này cho thấy các biến độc lập có khả năng tác động đáng kể đến biến phụ thuộc trong mô hình hồi quy tuyến tính

Trong đó, mối tương quan giữa các biến độc lập với biến phụ thuộc FB là: FA mạnh nhất với hệ số r = 0,631; tiếp theo FL với hệ số r = 0,592; LC với hệ số r = 0,576; FS với hệ số r = 0,521.

Dù hệ số tương quan giữa các biến độc lập đều dưới ngưỡng 0,7 (mức đáng lo ngại về đa cộng tuyến) vẫn có mức tương quan khá cao. Do đó, cần kiểm tra thêm bằng chỉ số VIF để đảm bảo độ tin cậy của mô hình hồi quy.

Về mức độ ý nghĩa thống kê, tất cả các mối tương quan có ý nghĩa cao (sig < 0,05). Đáng chú ý, phần lớn các cặp biến có mức ý nghĩa sig < 0,01 (**), phản ánh mối quan hệ mạnh với độ tin cậy lên đến 99%. Điều này cho thấy kết quả kiểm định có độ chính xác cao và các biến trong mô hình có ý nghĩa thống kê rõ ràng.

Phân tích hồi quy tuyến tính bội

Kiểm định đa cộng tuyến của các biến trong mô hình

Bảng 2. Bảng hồi quy tuyến tính bội

Hệ số hồi quy								
Mô hình		Hệ số chưa chuẩn hóa		Hệ số chuẩn hóa	t	Sig.	Thống kê đa cộng tuyến	
		B	Std. Error	Beta			Tolerance	VIF
1	(Constant)	,228	,151		1,510	,132		
	FA	,326	,036	,354	9,110	,000	,766	1,306
	FS	,180	,035	,196	5,078	,000	,777	1,288
	FL	,269	,035	,294	7,589	,000	,770	1,299
	LC	,245	,036	,263	6,728	,000	,754	1,326
	a. Biến phụ thuộc: FB							

(Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS)

Kết quả tại bảng 2 ta thấy, tất cả các biến đều có Tolerance > 0,1 và VIF < 2, do đó không xảy ra hiện tượng đa cộng tuyến trong mô hình này.

Kết quả hồi quy cho thấy giá trị Sig. của kiểm định t đối với các biến độc lập FA, FS, FL, LC đều < 0,05, vì vậy các biến này có ý nghĩa thống kê trong việc giải thích biến phụ thuộc FB. Điều này càng chứng tỏ tất cả các biến này đều tác động lên biến phụ thuộc FB.

Bảng 3. Kết quả hồi quy bội

Mô hình hồi quy					
Mô hình	R	R^2	R^2 *hiệu chỉnh*	Sai số ước lượng	Durbin-Watson
1	,807a	,651	,646	,39031	2,072
a. Biến độc lập: (Constant), FA, FS, FL, LC.					
b. Biến phụ thuộc: FB.					

(Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS)

Dựa trên kết quả phân tích từ bảng 3: Hệ số R^2 hiệu chỉnh = 0,646, cho thấy mô hình hồi quy giải thích được 64,6% sự biến thiên của biến phụ thuộc ‘‘Hành vi quản lý tài chính cá nhân”, dựa trên các biến độc lập đề xuất. Vì hệ số R^2 > 0,5 nên đây là một mô hình tốt.

Ngoài ra, hệ số Durbin-Watson (DW) = 2,072, nằm trong khoảng 1,5 - 2,5; cho thấy mô hình không vi phạm giả định tự tương quan bậc nhất.

Bảng 4. Bảng ANOVA

ANOVA[a]						
Mô hình		Tổng các bình quân	df	Bình phương độ lệch	F	Sig.
1	Hồi quy	85,948	4	21,487	141,046	,000b
	Phần dư	46,159	303	,152		
	Tổng	132,108	307			
a. Biến phụ thuộc: FB.						
b. Biến độc lập: (Constant), FA, FS, FL, LC.						

(Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS)

Từ bảng 4 kết quả ANOVA cho thấy, Sig. của kiểm định F bằng 0,000 < 0,05; như vậy mô hình hồi quy tuyến tính bội phù hợp với tập dữ liệu và có thể sử dụng được.

Kiểm định các giả thuyết trong mô hình

Bảng 5. Kiểm định các giả thuyết trong mô hình.

STT	Giả thuyết	Beta	Sig.	Kết luận *(tại mức ý nghĩa 5%)*
H1	FA tác động tích cực đến FB	0,354	0,000	Chấp nhận
H2	FS tác động tích cực đến FB	0,196	0,000	Chấp nhận
H3	FL tác động tích cực đến FB	0,294	0,000	Chấp nhận
H4	LC tác động tích cực đến FB	0,263	0,000	Chấp nhận

(Nguồn: Kết quả phân tích từ SPSS)

Kết luận:

Hệ số R = 0,807 cho thấy tồn tại mối tương quan tuyến tính tích cực và khá chặt chẽ giữa các biến độc lập và biến phụ thuộc trong mô hình nghiên cứu.

Tất cả các biến độc lập đều có giá trị Sig. < 0.05, điều này chứng tỏ mô hình hồi quy tuyến tính bội được xây dựng là phù hợp với tổng thể nghiên cứu và có thể sử dụng để giải thích mối quan hệ giữa các biến.

Kết quả mô hình hồi quy chuẩn hóa được xác định như sau:

FB = 0,354FA + 0,196FS + 0,294FL + 0,263LC

Vì vậy, có thể xác định: dựa vào độ lớn của hệ số hồi quy chuẩn hóa (Beta), thứ tự mức độ tác động từ mạnh nhất đến yếu nhất của các biến độc lập đến biến phụ thuộc FB là:

FA (0,354) > FL (0,294) > LC (0,263) > FS (0,196)

Như vậy, kết quả nghiên cứu cho thấy tất cả các biến độc lập đều có ảnh hưởng tích cực đến biến phụ thuộc FB.

Kết luận và kiến nghị

Kết luận

Kết quả phân tích cho thấy với hệ số tác động mạnh nhất (β=0,354), thái độ tài chính đóng vai trò là động lực cốt lõi chi phối cách thức Gen Z đưa ra các quyết định tiền bạc. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Mudrikah Zaen và cộng sự (2024) tại Indonesia, nghiên cứu Mien và Thao (2015) tại Việt Nam, khẳng định rằng tư duy và quan điểm cá nhân là tiền đề quan trọng nhất để chuyển hóa từ nhận thức sang hành động thực tế. Điều này cho thấy khi giới trẻ có nhận thức đúng đắn về trách nhiệm tài chính và tầm quan trọng của việc lập kế hoạch, họ sẽ có xu hướng thiết lập kỷ luật tốt hơn trong chi tiêu và tiết kiệm

Kiến thức tài chính (FL) có tác động mạnh thứ hai (β=0,294) cho thấy khi có kiến thức tài chính thì cá nhân có hành vi quản lý tài chính cá nhân tốt hơn. Phát hiện này trái ngược với nghiên cứu của Mudrikah Zaen và cộng sự (2024) tại Indonesia, nơi kiến thức tài chính thuần túy không cho thấy tác động có ý nghĩa đến hành vi. Sự khác biệt này có thể giải thích bởi đặc điểm của Gen Z tại Đà Nẵng - một trung tâm kinh tế năng động - nơi việc tiếp cận sớm với các công cụ tài chính số (Fintech) đã thúc đẩy họ sử dụng kiến thức để tối ưu hóa nguồn lực cá nhân. Điều này càng cho thấy mỗi xã hội tiêu dùng khác nhau có sự ảnh hưởng khác nhau đến hành vi quản lý tài chính cá nhân.

Hệ số tác động nhân tố đặc điểm kiểm soát tâm lý bên trong ở mức trung bình (β=0,263) khẳng định rằng những cá nhân tin vào nỗ lực và khả năng tự chủ của bản thân thường quản lý tài chính hiệu quả hơn. Kết quả này củng cố lập luận nghiên cứu của Mudrikah Zaen và cộng sự (2024) và nghiên cứu Mien và Thao (2015), cho thấy cá nhân có niềm tin về việc các kết quả tài chính trong cuộc sống chịu sự chi phối chủ yếu từ bản thân thì sẽ có định hướng hành vi quản lý tài chính tích cực hơn. Đối với Gen Z, khả năng tự kiểm soát giúp họ đứng vững trước các cám dỗ từ tiêu dùng cảm tính.

Mặc dù có hệ số tác động thấp nhất (β=0,196), xã hội hóa tài chính vẫn là nhân tố không thể thiếu, khẳng định vai trò của giáo dục gia đình như nghiên cứu của Sabri và cộng sự (2023). Việc cha mẹ thường xuyên trao đổi về tiền bạc và hướng dẫn chi tiêu giúp hình thành các chuẩn mực tài chính lành mạnh từ sớm. Trong văn hóa Á Đông, sự định hướng từ gia đình đóng vai trò như một "màng lọc" giúp giới trẻ tiếp nhận các giá trị tài chính bền vững trước khi bước vào đời sống tự chủ.

Một điểm đáng lưu ý từ kết quả nghiên cứu là sự tồn tại của một “khoảng cách” đáng kể trong hành vi thực tế. Dù nhận thức về quản lý tài chính đạt mức khá, nhưng các hành vi đầu tư dài hạn của Gen Z vẫn ở mức thấp (Mean = 2,87). Điều này chỉ ra rằng hành vi của giới trẻ Đà Nẵng vẫn dễ bị chi phối bởi các yếu tố cảm xúc và xu hướng tiêu dùng ngắn hạn (như FOMO - sợ bỏ lỡ) hơn là các mục tiêu tài chính chiến lược. Phát hiện này là cơ sở quan trọng để nghiên cứu đề xuất các giải pháp can thiệp sâu hơn vào thái độ và kỹ năng thực hành tài chính cá nhân của Gen Z.

Hàm ý quản trị và đề xuất giải pháp

Kết quả nghiên cứu khẳng định rằng hành vi quản lý tài chính cá nhân của Gen Z không chỉ là hệ quả của kiến thức (FL) mà chủ yếu chịu chi phối bởi định hướng thái độ (FA), đặc điểm kiểm soát bên trong (LC) và sự ảnh hưởng từ giáo dục gia đình (FS). Điều này hàm ý rằng việc nâng cao kiến thức tài chính chỉ là điều kiện cần, yếu tố then chốt để chuyển hóa nhận thức thành hành động thực tế chính là thay đổi tư duy và củng cố bản lĩnh tự chủ của cá nhân. Do đó, các chương trình can thiệp cần tập trung vào việc định hình thái độ tài chính tích cực và xây dựng lộ trình rèn luyện kỹ năng tự quản trị thay vì chỉ truyền thụ lý thuyết thuần túy.

Đề xuất giải pháp cụ thể

Đối với cá nhân, cần hình thành thái độ tài chính tích cực thông qua việc xây dựng thói quen tiết kiệm, thiết lập mục tiêu rõ ràng và tuân thủ ngân sách. Việc áp dụng các nguyên tắc như 50-30-20 (tương ứng với % nhu cầu thiết yếu, % giải trí, % tiết kiệm) hoặc quy tắc trì hoãn chi tiêu 24 giờ để hạn chế tâm lý tiêu dùng cảm tính. Đồng thời, cá nhân cần nâng cao khả năng tự kiểm soát và chủ động trang bị kiến thức tài chính gắn với thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả ra quyết định.

Đối với gia đình, cha mẹ đóng vai trò ‘‘nền tảng” trong việc hình thành hành vi quản lý tài chính cá nhân. Việc trao đổi, hướng dẫn quản lý chi tiêu và làm gương trong các quyết định tài chính sẽ giúp cá nhân xây dựng thói quen và tư duy tài chính bền vững từ sớm.

Cần phát triển hệ sinh thái giáo dục tài chính toàn diện, kết hợp giữa giáo dục chính quy, công nghệ và hoạt động thực tiễn. Công nghệ đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ theo dõi, phân tích và cung cấp phản hồi cá nhân hóa, giúp người dùng điều chỉnh hành vi hiệu quả. Đồng thời, các hoạt động cộng đồng và môi trường xã hội tích cực sẽ giúp củng cố thái độ tài chính tích cực và duy trì hành vi hợp lý trong dài hạn.

Tổng thể các giải pháp cần được triển khai đồng bộ với sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình, doanh nghiệp và cơ quan quản lý, trong đó trọng tâm là hình thành thái độ tài chính tích cực nhằm đảm bảo sự thay đổi hành vi một cách bền vững.

Hướng nghiên cứu trong tương lai

Để tối ưu hóa giá trị thực tiễn và tính khái quát của mô hình, các nghiên cứu tiếp theo cần chú trọng mở rộng phạm vi khảo sát, đa dạng các khu vực địa lý nhằm tăng cường tính đại diện và cho phép so sánh liên nhóm đối với Gen Z. Về mặt phương pháp luận, việc áp dụng chọn mẫu xác suất kết hợp gia tăng quy mô mẫu sẽ góp phần củng cố độ tin cậy của các kết quả ước lượng.

Về mô hình nghiên cứu có thể được làm phong phú hơn bằng cách tích hợp các nhân tố mới như ảnh hưởng từ mạng xã hội, sự phát triển của công nghệ tài chính

(Fintech), mức thu nhập và áp lực tiêu dùng. Có thể thực hiện nghiên cứu thông qua tập trung đánh giá hiệu quả của các chương trình giáo dục tài chính cùng các công cụ hỗ trợ quản lý sẽ là hướng đi tiềm năng nhằm đề xuất những giải pháp mang tính ứng dụng cao hơn.

Tài liệu tham khảo

Adiputra, I. G., & Patricia, E. (2020). The effect of financial attitude, financial knowledge, and income on financial management behavior. *Advances in Social Science, Education and Humanities Research, 439*, 107–112. https://doi.org/10.2991/assehr.k.200515.019

Ajzen, I. (1991). The theory of planned behavior. *Organizational Behavior and Human Decision Processes, 50*(2), 179–211. https://doi.org/10.1016/0749-5978(91)90020-T

Ajzen, I. (2002). Perceived behavioral control, self-efficacy, locus of control, and the theory of planned behavior. *Journal of Applied Social Psychology, 32*(4), 665–683. https://doi.org/10.1111/j.1559-1816.2002.tb00236.x

Bado, B., Hasan, M., Tahir, T., & Hasbiah, S. (2023). How do financial literacy, financial management learning, financial attitudes and financial education in families affect personal financial management in Generation Z? *International Journal of Professional Business Review, 8*(5), 1–29. https://doi.org/10.26668/businessreview/2023.v8i5.2001

Bucciol, A., & Veronesi, M. (2014). Teaching children to save: What is the best strategy for lifetime savings? *Journal of Economic Psychology, 45*, 1–17. https://doi.org/10.1016/j.joep.2014.07.003

Çera, G., Khan, K. A., Mlouk, A., & Brabenec, T. (2021). Improving financial capability: The mediating role of financial behaviour. *Economic Research-Ekonomska Istraživanja, 34*(1), 1265–1282. https://doi.org/10.1080/1331677X.2020.1820362

Cơ quan Thống kê quốc gia. (2025). *Dữ liệu dân số Việt Nam*. https://www.nso.gov.vn/dan-so/

Dessart, W. C. A. M., & Kuylen, A. A. A. (1986). The nature, extent, causes, and consequences of problematic debt situations. *Journal of Consumer Policy, 9*(3), 311–334. https://doi.org/10.1007/BF00380302

Deventer, M. Van. (2020). Relationship between attitudes towards personal financial planning and perceived personal financial management skills: A Generation Y student perspective. *Acta Universitatis Danubius. Oeconomica, 16*(4), 192–205.

Dimock, M. (2019). *Defining generations: Where Millennials end and Generation Z begins*. Pew Research Center. https://www.pewresearch.org/?p=10983

Đinh Thị Mỹ Hạnh, & Đào Tuấn Khanh. (2023). Nâng cao hiểu biết tài chính tại Việt Nam. *Tạp chí Tài chính, 803*, 59–61. https://tapchikinhtetaichinh.vn/nang-cao-hieu-biet-tai-viet-nam-43925.html

Dolot, A. (2018). The characteristics of Generation Z. *e-mentor, 74*(2), 44–50. https://doi.org/10.15219/em74.1351

Drever, A. I., et al. (2015). Foundation of financial well-being: Determinants of financial literacy and financial behaviors among young adults. *Journal of Consumer Affairs, 49*, 13–39. https://doi.org/10.1111/joca.12068

Falahati, L., & Paim, L. H. (2011). Toward a framework of determinants of financial management and financial problems among university students. *African Journal of Business Management, 5*(22), 9600–9606. https://doi.org/10.5897/AJBM11.448

Garman, E. T., & Forgue, R. E. (2006). *Personal finance* (8th ed.). Houghton Mifflin.

Grable, J. E., Park, J., & Joo, S. (2009). Explaining financial management behavior for Koreans living in the United States. *Journal of Consumer Affairs, 43*(1), 80–107. https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2008.01128.x

Grohmann, A., Kouwenberg, R., & Menkhoff, L. (2015). Childhood roots of financial literacy. *Journal of Economic Psychology, 51*, 114–133. https://doi.org/10.1016/j.joep.2015.09.002

Gudmunson, C. G., & Danes, S. M. (2011). Family financial socialization: Theory and critical review. *Journal of Family and Economic Issues, 32*(4), 644–667. https://doi.org/10.1007/s10834-011-9275-y

Hoffman, D. L., Novak, T. P., & Schlosser, A. E. (2000). *Consumer control in online environments* (Working Paper). eLab, Owen Graduate School of Management, Vanderbilt University.

Hogarth, J. M., & Hilgert, M. A. (2002). Financial knowledge, experience, and learning preferences: Preliminary results from a new survey on financial literacy. *Consumer Interest Annual, 48*, 1–7.

Huang, J., Nam, Y., & Sherraden, M. S. (2013). Financial knowledge and child development account policy: A test of financial capability. *Journal of Consumer Affairs, 47*(1), 1–26. https://doi.org/10.1111/joca.12000

Huston, S. J. (2010). Measuring financial literacy. *Journal of Consumer Affairs, 44*(2), 296–316. https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2010.01170.x

Idris, F. H., Krishnan, K. S. D., & Azmi, N. (2013). Relationship between financial literacy and financial distress among youths in Malaysia: An empirical study. *Malaysian Journal of Society and Space, 9*(4), 106–117.

Joo, S. H. (2008). Personal financial wellness. In J. J. Xiao (Ed.), *Handbook of Consumer Finance Research* (pp. 21–33). Springer. https://doi.org/10.1007/978-0-387-75734-6_2

Ken Research. (2025). *Vietnam FinTech lending and digital microfinance market (2019–2030).* https://www.kenresearch.com/vietnam-fintech-lending-and-digital-microfinance-market

Kim, J., & Chatterjee, S. (2013). Childhood financial socialization and young adults' financial management. *Journal of Financial Counseling and Planning, 24*(1), 61–79.

Lanz, M., et al. (2019). Implicit family financial socialization and emerging adults' financial well-being: A multi-informant approach. *Emerging Adulthood, 8*(6), 443–452. https://doi.org/10.1177/2167696819876752

Lê Long Hậu, Lê Tấn Nghiêm, & Nguyễn Lê Trang Anh. (2019). Các nhân tố ảnh hưởng đến kỹ năng quản lý ngân quỹ cá nhân của sinh viên Trường Đại học Cần Thơ. *Tạp chí Khoa học Đại học Cần Thơ, 55*, 136–144. https://doi.org/10.22144/ctu.jsi.2019.088

Loan, N. T. B. (2025). Các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi quản lý tài chính cá nhân của viên chức tại Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Huế: Kinh tế và Phát triển, 134*(5B), 95–117. https://doi.org/10.26459/hueunijed.v134i5B.7911

Lunt, K. P., & Livingstone, M. S. (1992). Predicting personal debt and debt repayment: Psychological, social and economic determinants. *Journal of Economic Psychology, 13*(1), 111–134. https://doi.org/10.1016/0167-4870(92)90055-C

Lusardi, A., & Messy, F. (2023). Financial literacy and financial behavior. *Journal of Financial Literacy and Wellbeing, 1*(1), 1–11. https://doi.org/10.1017/flw.2023.8

Lusardi, A., & Mitchell, O. S. (2014). The economic importance of financial literacy: Theory and evidence. *Journal of Economic Literature, 52*(1), 5–44. https://doi.org/10.1257/jel.52.1.5

Manfrè, M. (2017). *Saving behavior: Financial socialization and self-control.* https://siecon3-607788.c.cdn77.org/sites/siecon.org/files/media_wysiwyg/288-manfre.pdf

Mankiw, N. G. (2021). *Principles of economics* (9th ed.). Cengage Learning.

Mien, N. T. N., & Thao, T. P. (2015). Factors affecting personal financial management behaviors: Evidence from Vietnam. In *Proceedings of the Second Asia-Pacific Conference on Global Business, Economics, Finance and Social Sciences*. Danang, Vietnam.

Nguyen, K. T. C., Dao, T. H. H., Pham, V. P., & Nguyen, P. H. N. (2026). Fear of missing out and Generation Z's investment behavior in Vietnam's stock market: The moderating role of financial literacy. *Edelweiss Applied Science and Technology, 10*(1), 500–510. https://doi.org/10.55214/2576-8484.v10i1.11624

Nguyễn Thị Hải Yến. (2017). Evaluate financial literacy of Vietnamese students in higher education and its determinants: The need of financial education. *Journal of Economics and Development, 19*, 66–82.

Nguyễn Thị Mai Dung. (2018). *Quản lý tài chính cá nhân*. Nhà xuất bản Đại học Quốc gia Hà Nội.

Nguyễn Văn Tiến. (2018). *Thu nhập cá nhân và quản lý tài chính*. Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân.

OECD. (2015). *National strategies for financial education*. https://www.oecd.org/content/dam/oecd/en/publications/reports/2015/11/national-strategies-for-financial-education-oecd-infe-policy-handbook_8a22c019/a8916d0e-en.pdf

Ogilvy. (2023). *The support gap: How financial services brands can win with Generation Z*. https://www.ogilvy.com/ideas/support-gap-how-financial-services-brands-can-win-gen-z

Parrotta, J. L., & Johnson, P. J. (1998). The impact of financial attitudes and knowledge on financial management and satisfaction of recently married individuals. *Financial Counseling and Planning, 9*(2), 59–75.

Perry, V. G., & Morris, M. D. (2005). Who is in control? The role of self-perception, knowledge, and income in explaining consumer financial behavior. *Journal of Consumer Affairs, 39*(2), 299–313. https://doi.org/10.1111/j.1745-6606.2005.00016.x

Prihartono, M. R. D., & Asandimitra, N. (2018). Analysis of factors influencing financial management behaviour. *International Journal of Academic Research in Business and Social Sciences, 8*(8), 308–326. https://doi.org/10.6007/IJARBSS/v8-i8/4471

Rai, K., Dua, S., & Yadav, M. (2019). Association of financial attitude, financial behaviour and financial knowledge towards financial literacy: A structural equation modeling approach. *FIIB Business Review, 8*(1), 51–60. https://doi.org/10.1177/2319714519826651

Rajna, A., Ezat, W. P. S., Junid, S. A., & Moshiri, H. (2011). Financial management attitude and practice among the medical practitioners in public and private medical service in Malaysia. *International Journal of Business and Management, 6*(8), 105–113. https://doi.org/10.5539/ijbm.v6n8p105

Rotter, J. B. (1966). Generalized expectancies for internal versus external control of reinforcement. *Psychological Monographs: General and Applied, 80*(1), 1–28. https://doi.org/10.1037/h0092976

S&P Global Ratings. (2024–2026). *Global Financial Literacy Survey (FinLit): Vietnam overview*. Global Financial Literacy Excellence Center (GFLEC). https://gflec.org/initiatives/sp-global-finlit-survey/

Sabri, M. F., Anthony, M., Law, S. H., Rahim, H. A., Burhan, N. A. S., & Ithnin, M. (2023). Impact of financial behaviour on financial well-being: Evidence among young adults in Malaysia. *Journal of Financial Services Marketing, 29*(3), 788–807. https://doi.org/10.1057/s41264-023-00234-8

Seemiller, C., & Grace, M. (2016). *Generation Z goes to college*. Jossey-Bass.

Serido, J., & Deenanath, V. (2016). Financial parenting: Promoting financial self-reliance of young consumers. In J. J. Xiao (Ed.), *Handbook of Consumer Finance Research* (pp. 291–300). Springer International Publishing. https://doi.org/10.1007/978-3-319-28887-1_24

Shinhan Finance. (2024). *Gen Z và xu hướng tiêu dùng: Lựa chọn tài chính hiện đại và tối ưu hóa lợi ích*. https://shinhanfinance.com.vn/news/post/110150/gen-z-va-xu-huong-tieu-dung-lua-chon-tai-chinh-hien-dai-va-toi-uu-hoa-loi-ich

Teng, P. K., Heng, B. L. J., & Abdullah, S. I. N. W. (2023). Preliminary study on financial literacy of business undergraduate students. In *Proceedings of the 8th International Conference on Accounting and Finance (ICOAF 2023)* (pp. 23–32).

Tokunaga, H. (1993). The use and abuse of consumer credit: Application of psychological theory and research. *Journal of Economic Psychology, 14*(2), 285–316. https://doi.org/10.1016/0167-4870(93)90004-5

United Overseas Bank. (2025). *ASEAN Consumer Sentiment Study 2025 (Regional): Optimism rises despite cost-of-living crunch*. https://www.uobgroup.com/asean-insights/articles/acss-2025.page

Vũ Thị Mai, et al. (2021). Tác động của hiểu biết tài chính đến hành vi quản lý tài chính cá nhân của sinh viên. *Tạp chí Công Thương, 15*, 284–290.

Xiao, J. J., & Dew, J. (2011). The financial management behavior scale: Development and validation. *Journal of Financial Counseling and Planning, 22*(1), 19–35.

Zaen, M., Innayah, M. N., Purwidianti, W., & Aryoko, Y. P. (2024). Factors affecting financial management behavior of millennial generation: The role of financial attitude, financial literacy, locus of control, and financial knowledge. *Jurnal Ilmiah Manajemen Sumber Daya Manusia, 8*(1), 22–33. https://doi.org/10.32493/JJSDM.v8i1.42859

Zakaria, R. H., Jaafar, N. I. M., & Marican, S. (2012). Financial behavior and financial position: A structural equation modelling approach. *Middle-East Journal of Scientific Research, 12*(10), 1396–1402.